TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI CHÂU
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/DS - ST
Ngày: 31/8/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tiền.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI CHÂU, TỈNH HÒA BÌNH

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bá Khiên và ông Lường Khắc Tiệp.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Khà Thị Thanh Loan.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thúy Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST - DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tiền, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-DS ngày 25/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lường Thị D, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm Kh, xã M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
- *Bị đơn*: Chị Hà Thị L, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Ngần Văn Th, sinh năm 1990, nơi cư trú: Xóm T, xã Đồng T, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
- *Người làm chứng*: Chị Ngần Thị T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Xóm Kh, xã M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/5/2023, Bản khai ngày 15/5/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lường Thị D đã trình bày:

Ngày 02/11/2022 chị Lường Thị D có cho chị Hà Thị L vay số tiền là 100.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất thỏa thuận giữa hai bên không thỏa thuận rõ mức lãi suất là bao nhiêu, nhưng hai bên có thỏa thuận đến ngày 02/01/2023 chị L sẽ trả hết toàn bộ số nợ gốc và lãi cho chị D, quá thời hạn trên mà không trả thì mức lãi suất chậm trả thỏa thuận là 0,02% / 01 ngày. Tuy nhiên, quá thời hạn thỏa thuận đến nay, chị L không trả tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận cho chị D. Chị D có nhiều lần đòi nhưng chị L không trả.

Nguồn gốc số tiền mà chị L vay do anh Ngần Văn Th là chồng chị L và chị Ngần Thị T có góp tiền mua chung xe ô tô tải, anh Th mang xe ô tô tải đi cầm cố, để chuộc lại chiếc xe do anh Th mang đi cầm cố, chị T đã nhờ chị D cho chị L vay

100.000.000 đồng, chị D đã đưa đủ 100.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn Q ở M, Sơn La là người nhận cầm cố xe và đã chuộc lại được xe anh Th đã cầm cố.

Chị Lường Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Hà Thị L, anh Ngần Văn Th phải trả cho chị số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Về lãi suất chị D yêu cầu mức lãi suất theo thỏa thuận là 0,02% 01 ngày, tức là 0,6% 01 tháng, tính từ ngày 03/11/2022 đến ngày 01/01/2023 và lãi từ ngày 02/01/2023 *(là ngày sau ngày phải trả nợ theo thoản thuận nhưng không trả)* đến ngày xét xử sơ thẩm 31/8/2023 là 09 tháng 28 ngày. Từ ngày 26/8/2023 yêu cầu tính theo quy định của pháp luật.

Tại bản khai (Ý kiến của bị đơn), Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Hà Thị L, có ý kiến:

Ngày 02/11/2022 chị L có được viết và ký, điểm chỉ vào giấy xác nhận nợ với chị Lường Thị D số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên chị L không được nhận số tiền này. Lý do hai bên viết giấy xác nhận nợ là do chồng chị L là anh Ngần Văn Th và chị Ngần Thị T có góp tiền mua chung xe ô tô tải, anh Th mang xe đi cầm cố, chị T có nhờ chị D trả 100.000.000 đồng cho người nhận cầm cố xe là anh Nguyễn Văn Q ở M, chị D đã đồng ý và đã trả đủ cho anh Nguyễn Văn Q 100.000.000 đồng. Do vậy chị L nhất trí theo giấy xác nhận nợ là vợ chồng chị L còn nợ chị D 100.000.000 đồng tiền gốc. Tuy nhiên hiện nay chị L và anh Th không có tiền để trả, đề nghị Tòa án giải quyết về việc trả nợ tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngần Văn Th có ý kiến :

Anh Th và chị Ngần Thị T có góp tiền mua chung xe ô tô tải. Khoảng tháng 10 năm 2022 do làm ăn khó khăn nên anh Th đã tự ý mang xe đi cầm cố cho anh Nguyễn Văn Q tại M, Sơn La lấy tiền tiêu riêng. Sau đó để chuộc lại chiếc xe chị T có nhờ chị D trả 100.000.000 đồng cho người nhận cầm cố xe là anh Nguyễn Văn Q, chị D đã đồng ý và đã trả đủ cho anh Nguyễn Văn Q 100.000.000 đồng, anh Q đã giao lại xe ô tô tải đã nhận cầm cố, nên từ đó hai bên chị D và L mới viết giấy xác nhận nợ và cũng do vậy anh Th nhất trí theo giấy nhận nợ là vợ chồng anh Th còn nợ chị D 100.000.000 đồng tiền gốc. Nay anh Th và chị L không có tiền để trả theo thời hạn chị D yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết về việc trả nợ tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người làm chứng Ngần Thị T:

Chị T và anh Ngần Văn Th là chồng chị L có góp tiền mua chung xe ô tô tải, nhưng tháng 10/2022 anh Th tự ý mang xe ô tô tải đi cầm cố lấy tiền tiêu riêng, để chuộc lại chiếc xe do anh Th mang đi cầm cố, chị T đã nhờ chị D cho chị L vay 100.000.000 đồng bằng hình thức nhờ chị D đưa thẳng cho người nhận cầm cố xe, sau đó chị D đã đưa đủ 100.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn Quân ở Mộc Châu là người nhận cầm cố xe và đã chuộc lại được xe anh Th mang đi cầm cố. Chị T biết giữa chị D và chị L có viết giấy xác nhận nợ ghi ngày 02/11/2022 tại nhà của chị T vì lý do trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu phát biểu quan điểm về vụ án, tóm tắt như sau:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát quá trình giải quyết vụ án thấy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu. Quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện Mai Châu đã thụ lý, thu thập các tài liệu chứng cứ và giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay, đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần xét xử 25/8/2023 không có lý do.

- Ý kiến về giải quyết vụ án: Qua ý kiến trình bày của các bên đương sự, các chứng cứ mà đương sự đã cung cấp có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, thể hiện có việc cho vay tài sản là tiền giữa chị Lường Thị D và chị Hà Thị L đáp ứng các yêu cầu có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự 2015. Chị D, chị L, anh Th đã thừa nhận số tiền gốc đã vay còn nợ chị D là 100.000.000 đồng và đồng ý mức lãi suất. Chưa thỏa thuận được thời hạn trả. Căn cứ quy định tại các Điều 463, 465, 466, 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn Hà Thị L và chồng là Ngần Văn Th trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất là 0,6% 01 tháng của số tiền gốc 100.000.000 đồng, kể từ ngày 03/11/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho chị Lường Thị D. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và hình thức, nội dung hợp đồng: Đây là loại tranh chấp hợp đồng dân sự, là hợp đồng vay tiền, tuy về hình thức không ghi là hợp đồng vay tiền nhưng nội dung Giấy xác nhận nợ có đủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. Theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự và có các nội dung cơ bản theo quy định của Điều 398 Bộ luật Dân sự.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Giấy xác nhận nợ giữa chị D, chị L và lời khai thừa nhận của chị D, chị L, anh Th là căn cứ để xác định chị L, anh Th có vay và còn nợ chị D tiền gốc 100.000.000 đồng, ngày vay 02/11/2022 và thỏa thuận về vay có lãi, thời hạn trả. Về lãi suất: Trong Giấy xác nhận nợ chỉ ghi lãi suất thỏa thuận giữa hai bên, nếu chị L chậm trả số tiền 100.000.000 đồng trước ngày 02/01/2023, thì chị L sẽ chịu trách nhiệm đối với số tiền chậm trả tương ứng với lãi suất là 0,02% / 01 ngày. Đối với lãi suất trong hạn, là từ ngày 03/11/2022 đến ngày 01/01/2023, giữa chị D

và chị L có thỏa thuận về lãi nhưng không ghi cụ thể bao nhiêu, chị D yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,6 % / 01 tháng, thấp hơn mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, do vậy yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với lãi suất quá hạn tính từ ngày chị L có nghĩa vụ trả nợ gốc cho chị D (02/01/2023) chưa trả, trong Giấy xác nhận nợ hai bên có thỏa thuận về mức lãi suất là 0,02 % / 01 ngày, chị D yêu cầu tính lãi như đã thỏa thuận, yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận. Do vậy, chị Lường Thị D yêu cầu tính lãi từ ngày 03/11/2022 đến ngày Tòa án xét xử, mức lãi suất là 0,6% /01 tháng đối với số tiền gốc là 100.000.000 đồng là có căn cứ. Yêu cầu của nguyên đơn về việc trả số tiền gốc 100.000.000 đồng, do hai loại lãi yêu cầu cùng mức lãi suất nên thời điểm bắt đầu tính lãi từ ngày 03/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/8/2023 là 09 tháng, 28 ngày với mức lãi suất 0,6% /01 tháng đối với số tiền gốc còn lại là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 5.960.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật, cần được chấp nhận. Căn cứ Điều 463; khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Đối với ý kiến của bị đơn chị Hà Thị L; người có quyền lợi ngĩa vụ liên quan anh Ngần Văn Th: Ban đầu chị L có ý kiến chị không được nhận số tiền 100.000.000 đồng từ chị D. Tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 28/6/2023 và tại phiên tòa, chị L và chồng là anh Ngần Văn Th đã hiểu lý do chị L ký giấy nhận nợ có nội dung nêu trên với chị Lường Thị D là do anh Th chồng chị tự ý đi cầm cố xe ô tô, để chuộc xe chị D đã cho vay tiền và thừa nhận việc chị D đã trả cho người nhận cầm cố xe anh Nguyễn Văn Q 100.000.000 đồng. Do vậy đã nhất trí theo giấy xác nhận nợ là vợ chồng chị L, anh Th còn nợ chị D 100.000.000 đồng tiền gốc. Do đó có đủ căn cứ về việc chị L và anh Th vay chị D số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc. Về lãi suất: Chị Hà Thị L và chồng là Ngần Văn Th đều có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy anh Ngần Văn Th và chị Hà Thị L phải cùng có trách nhiệm trả nợ tiền gốc và tiền lãi cho chị Lường Thị D như nhận định và căn cứ nêu trên.

[5] Ý kiến của các đương sự về lý do dẫn đến viết giấy xác nhận nợ lập ngày 02/11/2022 và lời khai thừa nhận có nợ tiền gốc 100.000.000 đồng phù hợp với lời khai của người làm chứng.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị L và anh Ngần Văn Th phải nộp đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1, 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117 Điều 398 Điều 463; khoản 5 Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản

1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 271, khoản 1, 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Lường Thị D. Chị Hà Thị L và anh Ngần Văn Th phải trả cho chị Lường Thị D 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 5.960.000 đồng đồng. Tổng số tiền chị L và anh Th phải trả cả gốc và lãi là 105.960.000 đồng.

2. Về chịu lãi suất chậm trả:

Kể từ ngày án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án chị Lường Thị D cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, mà bên phải thi hành án chị Hà Thị L và anh Ngần Văn Th chưa thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, nếu có thỏa thuận về lãi chậm trả thì tính theo thỏa thuận đó nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

- Chị Hà Thị L và anh Ngần Văn Th phải nộp 5.298.000 đồng tiền án phí.
- Trả lại 2.590.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp cho chị Lường Thị D theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000511 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xét xử phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- VKSND huyện MC;
- THA dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Thanh Tùng